

Mẫu CBTT/SGDHCM-02

(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016 của TGD SGDCCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCCK TPHCM)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VICEM VLXD ĐÀ NẴNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 308/DXV-CBTT

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 03 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCCK TPHCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.

Công ty: Công ty Cổ phần VICEM Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng.

Mã chứng khoán: DXV

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 06, Tòa nhà DITP, Lô A2-19, Đường Nguyễn Tất Thành nối dài – Phường Hòa Hiệp Nam – Quận Liên Chiểu – TP. Đà Nẵng.

Điện thoại: : 02363707814

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phan Việt Quyền

Địa chỉ: Tầng 06, Tòa nhà DITP, Lô A2-19, Đường Nguyễn Tất Thành nối dài – Phường Hòa Hiệp Nam – Quận Liên Chiểu – TP. Đà Nẵng.

Điện thoại: 0905320243.

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ: 24 giờ

Nội dung thông tin công bố:

- Công ty Cổ phần VICEM Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng xin công bố thông tin nội dung:

+ Báo cáo thường niên 2019

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 20/3/2020, tại địa chỉ trang Web: [Http://www.coxiva.com.vn](http://www.coxiva.com.vn)

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu Thư ký HĐQT

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT



Phan Việt Quyền

VICEM
CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÀ NẴNG
— 80 * 03 —



Thành Thúc Tiến Lên

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Kính gửi:.....

Nơi gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÀ NẴNG
Địa chỉ: Tầng 06, Tòa nhà DITP Lô A2-19 đường Nguyễn Tất Thành nối
dài, P.Hòa Hiệp Nam, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
Điện thoại: 084.0236 3704 851
Website: <http://www.coxiva.com.vn>

Đà Nẵng, tháng 03 năm 2020

I/ THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
 - 4.1. Mô hình quản trị
 - 4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý
 - 4.3. Các công ty con, công ty liên kết
5. Định hướng phát triển
 - 5.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2020-2021
 - 5.2. Chiến lược phát triển trung hạn

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**1/ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

- 1.1. Những thay đổi chính trong năm
- 1.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 so với mục tiêu
2. Tổ chức và nhân sự
 - 2.1. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong ban điều hành
 - 2.2. Thay đổi Ban điều hành trong năm
 - 2.3. Nguồn nhân lực
3. Tình hình tài chính
 - 3.1. Tình hình tài chính
 - 3.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu
4. Vốn cổ phần và cơ cấu cổ đông
 - 4.1. Cổ phần đang lưu hành
 - 4.2. Cơ cấu cổ đông
 - 4.3. Thay đổi sở hữu của cổ đông nội bộ và cổ đông lớn trong năm.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Mục tiêu sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2020.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

* Về hiệu quả hoạt động của Công ty và Ban điều hành

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
 - 1.1. Vai trò và hoạt động của HĐQT
 - 1.2. Việc tổ chức thực hiện theo ủy quyền các quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT
 - 1.3. Công tác giám sát đối với Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý
2. Ban Kiểm soát
 - 2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát
 - 2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát
- 3.Thủ lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VLXD ĐÀ NẴNG NĂM 2019

I/ THÔNG TIN CHUNG :

1. Thông tin khái quát :

- Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần , mã số doanh nghiệp : 0400101820, đăng ký lần đầu : ngày 01/06/2007 ; đăng ký thay đổi lần thứ : 11, ngày 02 tháng 01 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Đà Nẵng cấp.
- Vốn điều lệ : 99.000.000.000đồng
- Địa chỉ : Tầng 06 , Tòa nhà DITP ,Lô A2-19, đường Nguyễn Tất Thành nối dài, P.Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu - Thành phố Đà Nẵng ,Việt Nam; kể từ ngày 01/01/2020 .
- Số điện thoại : (84-0236) 3704 851 – 3771.048
- Số Fax :
- Website : <http://www.coxiva.com.vn>
- Mã cổ phiếu : DXV

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Vicem VLXD Đà Nẵng tiền thân là Công ty Vật tư xây dựng số 2. Được thành lập theo quyết định số : 503/BXD-TCCB, ngày 28/10/1975 của Bộ Xây dựng.

Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/06/2007 theo giấy phép đăng ký kinh doanh số : 3203001458 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Đà Nẵng cấp ngày 01/06/2007, đăng ký thay đổi lần thứ nhất vào ngày 12/06/2008 , thay đổi lần thứ 2 vào ngày 18/06/2010, thay đổi lần thứ 3 vào ngày 14 tháng 10 năm 2011 , thay đổi lần thứ 4 vào ngày 09 tháng 11 năm 2011, thay đổi lần thứ 5 vào ngày 06 tháng 02 năm 2013, thay đổi lần thứ 6 vào ngày 06 tháng 6 năm 2013, thay đổi lần thứ 7 vào ngày 05 tháng 5 năm 2014, thay đổi lần thứ 8 vào ngày 10 tháng 6 năm 2015, thay đổi lần thứ 11 vào ngày 02 tháng 01 năm 2020.

Ngày 24/01/2008 Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định số: 16/QĐ-SGDHCM về việc chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu Công ty cổ phần Xi măng Vật liệu Xây dựng Xây lắp Đà Nẵng trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Mã chứng khoán: DXV, Số lượng cổ phiếu niêm yết là: 9.900.000 cổ phiếu với tổng giá trị là 99.000.000.000 đồng (Mệnh giá: 10.000.đồng/ 1 cổ phiếu).

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh :

Hoạt động của công ty hiện nay chủ yếu là kinh doanh xi măng, sản xuất và kinh doanh các loại VLXD như gạch nung tuynel, sản xuất vỏ bao xi măng , bao bì các loại.

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, nhu cầu xi măng tại địa bàn Công ty kinh doanh từ Đà Nẵng trở vào đến các tỉnh Tây Nguyên, với kinh nghiệm hàng chục năm kinh doanh xi măng và các loại VLXD, hiện nay Công ty đang kinh doanh xi măng và các loại VLXD như gạch nung tuynel, các loại bao bì có hiệu quả.

Xi nghiệp sản xuất vỏ bao xi măng Đà Nẵng được đầu trang thiết bị hiện đại của Áo, công suất 25 triệu vỏ bao/năm, Xi nghiệp gạch An Hoà với lò nung gạch tuynel công suất 30 triệu viên quy tiêu chuẩn / năm, Nhà máy gạch Lai Nghi với công suất 15 triệu viên quy tiêu chuẩn /năm.

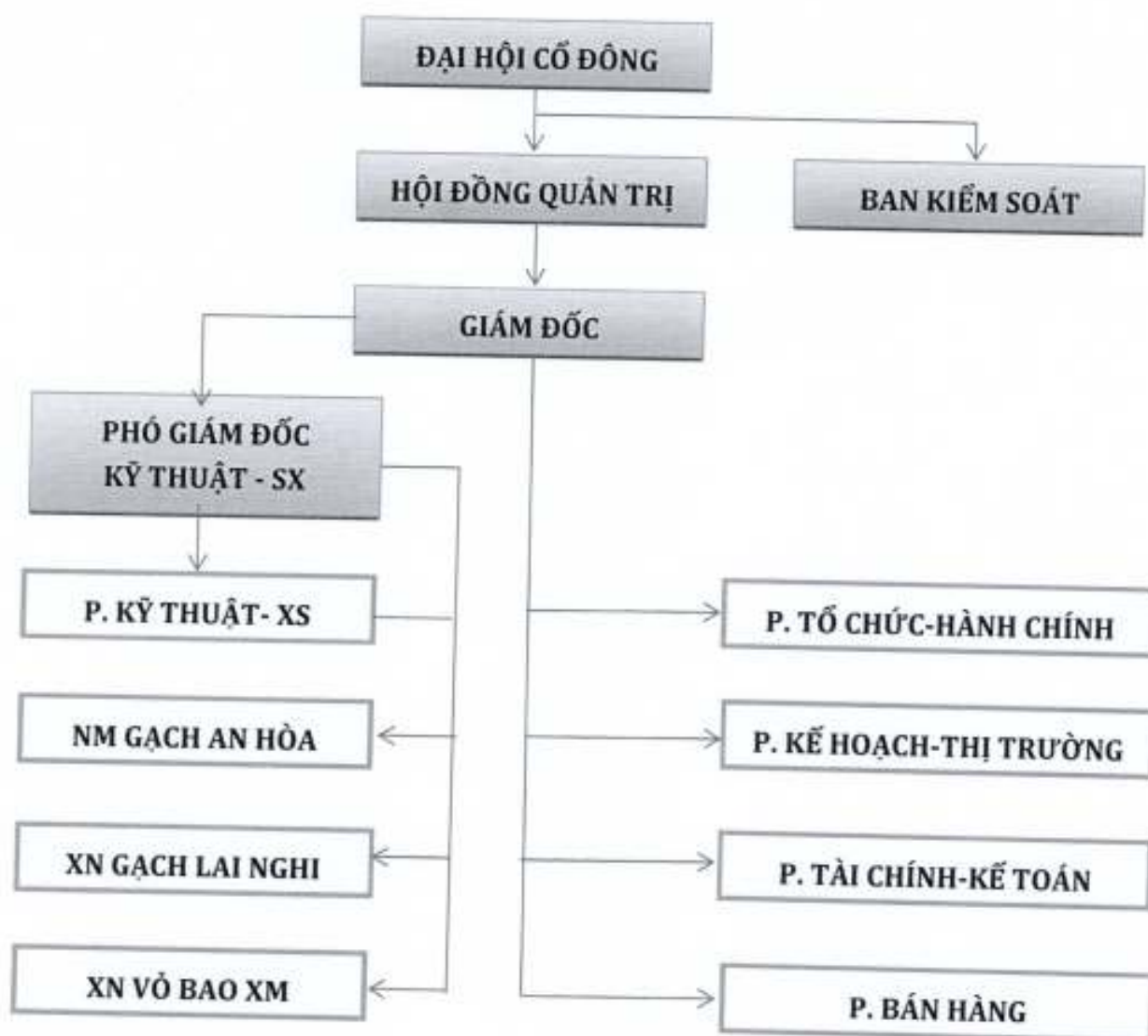
Các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của Công ty hiện nay là :

- Kinh doanh xi măng, sản xuất và kinh doanh các loại VLXD khác ;
- Sản xuất vỏ bao xi măng, bao bì các loại ;
- Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng ;
- Đầu tư kinh doanh bất động sản, dịch vụ cho thuê nhà và văn phòng ;

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị:

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VLXD ĐÀ NẴNG SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY



4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

DXV có trụ sở chính tại thành phố Đà Nẵng với mạng lưới chi nhánh phủ rộng khắp các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên bao gồm: Trạm của Công ty tại các tỉnh, thành phố : Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Gia Lai - Kontum, Đắk Lắk.

4.3. Các công ty có liên quan và công ty con: Hiện công ty có các đơn vị trực thuộc gồm:

- Nhà máy Gạch An Hòa;
- Xí nghiệp Gạch Tuynel Lai Nghi;
- Xí nghiệp Sản xuất Vò bao xi măng Đà Nẵng;

5. Định hướng phát triển :**5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2020 - 2022:**

* **Định hướng sản phẩm kinh doanh trong thời gian đến:** Công ty tập trung vào một số hoạt động chính như sau:

- Kinh doanh xi măng được sản xuất từ các Công ty thành viên của Tổng Công ty xi măng Việt nam như xi măng được sản xuất tại : Hoàng Thạch, Bim Sơn, Hải Vân, Tam Điệp, Hạ Long

- Sản xuất & kinh doanh VLXD (gạch tuynel, vò bao xi măng, bao bì các loại..)
- Kinh doanh bất động sản (kinh doanh kho bãi, nhà xưởng, văn phòng,...)

5.2. Chiến lược phát triển trung hạn :

| TT | Chi tiêu | ĐVT | 2020 | 2021 | 2022 |
|----|--------------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1 | Kinh doanh xi măng | Tấn | 90.000 | 100.000 | 110.000 |
| 2 | Sản xuất VLXD | | | | |
| | - Gạch xây các loại | 1000v QTC | 45.500 | 45.000 | 46.000 |
| | - Vò bao xi măng | 1000 cái | 22.500 | 23.000 | 25.000 |
| 3 | Kinh doanh khác (TC,thuê kho bãi) | Triệu đồng | 1.523 | 2.100 | 2.100 |
| 4 | Doanh thu | Triệu đồng | 282.000 | 295.000 | 310.000 |

Để đạt được các chỉ tiêu chiến lược đề ra, Công ty cần tập trung như sau:

+ Kinh doanh xi măng:

- Củng cố hệ thống nhà phân phối, mở rộng địa bàn mới, tăng cường quyền lợi cho khách hàng.
- Đẩy mạnh tiêu thụ các thương hiệu mạnh VICEM trên thị trường theo định hướng của Tổng Công ty Xi măng Việt Nam.
- Khai thác nguồn xi măng tại chỗ và các nguồn có phương tiện vận tải thuận lợi.
- Duy trì cơ chế phối hợp thị trường theo quy định của Tổng Công ty.
- Đề nghị các nhà sản xuất có chính sách bán hàng linh hoạt theo thị trường.

+ Sản xuất VLXD:

- Nhà máy Gạch An Hòa, Xí nghiệp gạch Tuynel Lai Nghi : tiếp tục củng cố hệ lò nung, sấy ...
- Ổn định nguồn lao động trong dây chuyền công nghệ để đảm bảo sản lượng, tăng cường nguồn lao động cho công tác thị trường và bán hàng.
- Ổn định nguồn đất sét nung cho quá trình sản xuất.
- Hệ thống kênh phân phối: củng cố và duy trì mở rộng địa bàn .

- Đầu tư dây chuyền sản xuất Gạch bê tông bọt khí : công suất 36 triệu viên QTC/năm

+ Liên doanh liên kết đầu tư bất động sản:

- Tiếp tục khai thác cơ sở vật chất hiện có của Công ty để cho thuê kho bãi, văn phòng làm việc.

+ Kế hoạch lao động và đào tạo:

- Tiếp tục thực hiện công tác quy hoạch cán bộ, luân chuyển cán bộ kết hợp với đào tạo và đào tạo lại để củng cố nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Củng cố năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ của công ty đến các đơn vị về các kỹ năng quản lý tài chính, sản xuất, kinh doanh, thị trường, nhân sự, công tác đầu tư,...
- Bố trí hợp lý nhân sự tại các phòng ban, đơn vị sản xuất theo hướng người có kinh nghiệm về chuyên môn và những người mới, nhằm bổ sung kiến thức mới cho người có kinh nghiệm và chia sẻ kinh nghiệm cho những người mới tiếp nhận công việc.
- Tuyển dụng một số vị trí mới đảm bảo tính kế thừa cho đội ngũ lớn tuổi nghỉ hưu và phù hợp với nhu cầu lao động của Công ty. Tập trung tuyển dụng nhân sự cho nhà máy sản xuất nhất là đội ngũ kỹ sư, cử nhân và công nhân đưa đi đào tạo.
- Tăng cường công tác đào tạo theo hướng nâng cao chất lượng đào tạo và đào tạo mang tính chuyên nghiệp, nhất là đào tạo nghiệp vụ chuyên môn, tập trung đào tạo chuyên sâu cho cán bộ thị trường về sản phẩm xi măng và sản xuất; đào tạo quản lý cho cán bộ trung và cao cấp. Tiếp tục đào tạo, quy hoạch bồi dưỡng phát triển lực lượng trẻ, bổ sung cho cán bộ quản lý của Công ty.
- Sử dụng tiền lương là đòn bẩy tăng năng suất lao động và chất lượng sản phẩm, trả lương đúng với chất xám và sức lao động đóng góp của từng người lao động để ổn định tâm lý người lao động, mỗi người đều yên tâm công tác, cống hiến hết mình cho công ty.

+ Kế hoạch về tài chính:

- Sử dụng nguồn vốn quỹ đầu tư phát triển, khấu hao,.. của công ty hiện có.
- Tăng cường kiểm soát chặt chẽ chi tiêu, thực hiện tiết kiệm các chi phí trực tiếp sản xuất, chi phí lưu thông, chi phí quản lý trên cơ sở những định mức và dự trù được duyệt.

+ Các công cụ hỗ trợ khác:

- Tiếp tục triển khai các phần mềm công nghệ thông tin theo chiến lược chung của Vicem.
- Công tác môi trường: Tạo ra môi trường lao động tốt, vệ sinh môi trường, trồng cây xanh nhằm tạo môi trường sản xuất xanh, sạch, đẹp và tăng cường công tác quản lý môi trường.
- Xây dựng văn hóa Công ty.
- Tận tâm phục vụ khách hàng, tôn trọng quyền lợi của khách hàng thông qua việc hoàn thiện hệ thống tiêu thụ và các dịch vụ hỗ trợ.
- Đảm bảo hài hòa các lợi ích: người lao động và cổ đông, tôn trọng và tạo điều kiện cho người lao động phát huy khả năng.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

1/ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Những thay đổi chính trong năm:

- Các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty đều được duy trì hoạt động ổn định đúng

theo định hướng của VICEM.

- Đảm bảo tình hình tài chính của Công ty lành mạnh; có đủ nguồn vốn đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty.
- Tiếp tục hoàn thiện và tái cấu trúc, thay đổi phương thức kinh doanh, phương thức điều hành trong toàn hệ thống.
- Thay đổi phương thức và xác định mức độ đầu tư thỏa đáng cho Marketing và thiết lập kênh phân phối để tạo ra lợi thế cạnh tranh của DXV.
- Duy trì được việc làm và thu nhập ổn định cho gần 290 lao động, đồng thời hoàn thành nghĩa vụ đóng góp cho ngân sách nhà nước.

1.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 so với kế hoạch:

| TT | Mục tiêu chủ yếu | ĐVT | Mục tiêu 2019 | Thực hiện 2019 | Thực hiện (%) |
|----|-------------------|----------|---------------|----------------|---------------|
| 1 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 426,444 | 253,185 | 59 |
| 2 | Sản lượng | | | | |
| | - Xi măng | Tấn | 200.000 | 90.142,68 | 45 |
| | - Gạch nung (QTC) | Tr. Viên | 45,500 | 48,522 | 106 |
| | - Vò bao xi măng | Tr. Cái | 22,500 | 17,277 | 76 |

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

2.1.1 Hội đồng quản trị: Gồm 05 thành viên.

1) Ông : Doãn Nam Khánh – Chủ tịch HĐQT – Sinh năm 1962

Ông Doãn Nam Khánh được bổ nhiệm từ ngày 23/04/2018 theo Nghị quyết số 775-2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2018 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vicem VLXD Đà Nẵng.

- Chức vụ hiện tại: Chủ tịch HĐQT Công ty CP VicemVLXD Đà Nẵng.

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng Ban An toàn môi trường và thu địa đưa của Tổng Công ty xi măng Việt nam (VICEM).

- Quê quán : Sang Lãng, Vũ Thư , Thái Bình

- Quá trình công tác :

+ Từ tháng 01/1987- tháng 8/1988 : Kỹ Thuật viên -XSCCT;

+ Từ tháng 8/1995- tháng 05/2007 : Cán bộ P.KTKH-BCC , Phó quản đốc –Quản đốc XSCCT-BCC ; trưởng phòng –BCC Công ty Cổ phần xi măng Bim Sơn BCC ;

+ Từ tháng 05/2007- tháng 11/2011 : Giám đốc- Bí Thư đảng ủy Công ty Cổ phần bao bì Bim Sơn ;

+ Từ tháng 12/2011- tháng 04/2018 : Phó Tổng giám đốc –Bí thư đảng ủy Công ty xi măng Nghi Sơn ;

+ Từ tháng 04/2018- đến nay : Trưởng Ban ATMT & TĐ -VICEM , Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vicem VLXD Đà Nẵng ;

2.1.3) Ông: Trần Văn Khôi- TV HĐQT - Sinh năm: 1969

Ông Trần Văn Khôi được bổ nhiệm từ ngày 23/4/2018 theo Nghị quyết số 775-2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2018 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vicem VLXD Đà Nẵng.

- Quê quán: Đại Lộc , Quảng Nam
- Trình độ chuyên môn: Đại học cơ khí , thạc sỹ .
 - Quá trình công tác:
 - + Từ 1995 - 1998: Nhân viên Phòng tổng hợp –Ban quản lý dự án Nhà máy xi măng Hải Vân.
 - + Từ T4/2008 - T12/2014: Phó Giám đốc sản xuất - Công ty cổ phần xi măng Vicem Hải Vân.
 - + Từ T1/2015 - T3/2018: Tổng Giám đốc đốc - Công ty cổ phần xi măng Vicem Hải Vân.
 - + Từ T4/2018 - đến nay : Giám đốc Công ty cổ phần Vicem VLXD Đà Nẵng.
- Chức vụ hiện tại: UV HĐQT - Giám đốc Công ty CP Vicem VLXD Đà Nẵng
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

2.1.5) Ông: Đinh Ngọc Châu - Ủy Viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty - Sinh năm 1968

- Ông: Đinh Ngọc Châu được bổ nhiệm ủy viên HĐQT từ ngày 24/8/2016 theo quyết định số 1424 /DXV-HĐQT ngày 24/8/2016 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần ViCem VLXD Đà Nẵng ;

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính-Ngân hàng ; Cử Nhân Anh Văn , Thạc Sỹ QTKD ;

- Quá trình công tác:

- + Từ tháng 4/1994 – tháng 5/1998: Chuyên viên Phòng TCKT Công ty xi măng Hải Vân.
- + Từ tháng 6/1998 – tháng 9/2006: Phó phòng TCKT Công ty xi măng Hải Vân.
- + Từ tháng 10/2006 – tháng 10/2007: Phụ trách Phòng TCKT Công ty xi măng Hải Vân.
- + Từ tháng 11/2007 – tháng 3/2008: Kế toán trưởng Công ty xi măng Hải Vân.
- + Từ tháng 4/2008 – tháng 7/2016: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hải Vân.
- + Từ tháng 8/2016 – đến nay : Ủy viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng .
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

2.1.7) Ông: Lê Kế Tích - TV HĐQT - Sinh năm: 10/02/1967

- Quê quán: Xã Điện Nam , Huyện Điện Bàn , Tỉnh Quảng Nam.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí
- Quá trình công tác:
 - + Từ tháng 7/1992 - 1994: Nhân viên kỹ thuật cơ điện thuộc dựng thuộc Công ty VLXD Xây lắp Đà Nẵng
 - + Từ 1995 – tháng 5/2004: Nhân viên kỹ thuật Xí Nghiệp sản xuất vỏ bao thuộc Công ty VLXD xây lắp Đà Nẵng
 - + Từ tháng 6/2004 – tháng 12/2005: Phụ trách phòng tổng hợp Xí Nghiệp sản xuất vỏ bao thuộc Công ty VLXD Xây lắp Đà Nẵng
 - + Từ tháng 01/2006 – tháng 3/2016: Phó giám đốc Xí nghiệp sản xuất vỏ bao xi măng thuộc Công ty Cổ phần Vicem VLXD Xây lắp Đà Nẵng
 - + Từ tháng 04/2016 – tháng 6/2016: Giám đốc Xí nghiệp sản xuất vỏ bao xi măng thuộc Công ty xi măng Cổ phần Vicem VLXD Xây lắp Đà Nẵng
- Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không

2.1.2. Ban Giám đốc, Kế toán trưởng: gồm có 03 thành viên.

a. Giám đốc:

- Ông Trần Văn Khôi, được bổ nhiệm Giám đốc Công ty từ ngày 24/04/2018 theo quyết định số 784 /QĐ-DXV ngày 24/04/2018 của Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vicem VLXD Đà Nẵng

b. Phó Giám đốc phụ trách sản xuất: Ông : Lê Kế Tích

d. Kế toán trưởng:

- Ông : Đinh Ngọc Châu làm Kế toán trưởng

2.1.3. Ban kiểm soát: gồm 03 thành viên.

a. Bà : Nguyễn Thị Thu Hằng – Sinh năm 1982

Bà : Nguyễn Thị Thu Hằng – được từ bỏ nhiệm từ ngày 23/4/2018 theo Nghị quyết số 775-2018 /NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2018 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần VICEM VLXD Đà Nẵng.

- Quá trình công tác:

+ Từ tháng 7/2003 đến 23/4/2018 : Công tác tại phòng Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Vicem VLXD Đà Nẵng ;

+ Từ tháng 23/4/2018 đến nay : Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách- Công ty Cổ phần Vicem VLXD Đà Nẵng ;

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không.

b. Thành viên Ban kiểm soát :

- Ông Trần Minh Hoàng - Sinh năm: 1961

- Quê quán: Đồng Hới, Quảng Bình

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế Công nghiệp

- Quá trình công tác:

+ Từ 4/1984 đến 9/2002: Công tác tại Công ty CP Xi măng VLXD XL Đà Nẵng.

+ Từ 10/2002 đến 4/2008: Công tác tại Công ty Xi măng Hải Vân.

+ Từ 5/2008 – 10/2012: Công tác tại phòng TCHC - Công ty CP Vicem VLXD Đà Nẵng.

+ Từ 11/2012 – 10/2015: Phó phòng TCHC - Công ty CP Vicem VLXD Đà Nẵng.

- Chức vụ hiện tại: Trưởng Phòng Tổ chức hành chính – Thành viên BKS Công ty

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không.

- Bà : Nguyễn Phương Lan – Sinh năm 1968

Bà : Nguyễn Phương Lan – được từ bỏ nhiệm từ ngày 23/4/2018 theo Nghị quyết số 775-2018 /NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2018 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần VICEM VLXD Đà Nẵng. Quê quán: Đại Lộc- Tỉnh Quảng Nam.

- Quá trình công tác:

+ Từ tháng 08/2001- tháng 12/2004 : Chuyên viên phòng KCS – Công ty Gốm sứ Hải Vân;

+ Từ tháng 01/2005 đến nay : Chuyên viên phòng Kỹ thuật sản xuất - Công ty CP Vicem VLXD Đà Nẵng ;

- Chức vụ hiện tại: Chuyên viên Phòng Kỹ thuật sản xuất – Thành viên BKS Công ty

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không.

2.2. Lương, thưởng BĐH: Căn cứ vào số lượng thành viên HĐQT và Ban kiểm soát, tổng thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT năm 2019 là 372 triệu đồng.

2.3. Nguồn nhân lực:

- Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm 2019 là : 290 người. Trong đó:

| Nội dung | Năm 2019 | Năm 2018 | Ghi chú |
|-----------------------|-----------|-----------|---------|
| Số lao động (người) | 290 | 300 | |
| Trên đại học | 3 | 3 | |
| Đại học | 57 | 62 | |
| Cao đẳng | 5 | 8 | |
| Trung cấp | 15 | 16 | |
| CNKT, Sơ cấp nghề | 204 | 204 | |
| Lao động phổ thông | 6 | 7 | |
| Lao động nữ | 121 | 126 | |
| Thu nhập BQ (ng/đồng) | 8.620.000 | 9.225.000 | |

2.5. Chính sách đối với người lao động:

- Với phương châm “ *Nhân viên là tài sản và là người bạn đồng hành trên con đường thành công và phát triển của Doanh nghiệp*”, DXV luôn quan tâm đến sự phát triển nguồn nhân lực đặc biệt là những nhân viên xuất sắc, có năng lực và nhiệt huyết đóng góp. Mục tiêu trở thành nhà cung cấp chính cho thị trường miền Trung và Tây nguyên, Công ty cần có sự đồng hành và cống hiến từ những con người năng động, nhiệt huyết. Một số chính sách rõ ràng, chế độ cạnh tranh và công tác quản trị nguồn nhân lực hiện quả là mục tiêu mà tập thể ban điều hành Công ty hướng đến.

- *Chế độ làm việc*: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, từ thứ hai đến thứ 6 hàng tuần. Nếu Công ty có yêu cầu người lao động làm thêm giờ thì người lao động sẽ được bố trí nghỉ bù hoặc thanh toán tiền lương và phụ cấp theo quy định của Nhà nước.

- *Nghỉ phép, lễ, Tết*: Nhân viên được nghỉ Lễ và Tết theo quy định của Bộ lao động và được hưởng nguyên lương. Những nhân viên làm việc từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm. Người lao động có thể nghỉ phép 01 lần trong năm hoặc trải đều các tháng trong năm.

- *Điều kiện làm việc*: Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát. Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt. Công ty cam kết xây dựng cho tất cả CBCNV môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện để CBCNV phát huy hết khả năng và sức sáng tạo của mình.

- *Đảm bảo việc làm cho người lao động*: Để giải quyết việc làm cho người lao động, Ban Giám đốc Công ty đã có những biện pháp như luôn tích cực, chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tiếp cận thị trường, đề ra những biện pháp đổi mới trong sản xuất kinh doanh, tăng cường mối quan hệ với các đơn vị trong và ngoài Vicem nhằm mở rộng địa bàn tiêu thụ, SXKD đảm bảo cho người lao động có việc làm liên tục, ổn định và nâng cao đời sống.

- *Chế độ lương và các khoản phụ cấp*:

+ *Đối tượng*: áp dụng cho tất cả bao gồm Ban điều hành và người lao động tại Công ty.

+ *Tiền lương*: bao gồm lương chức danh và các khoản phụ cấp và lương làm thêm giờ.

* *Lương chức danh*: Xác định theo vị trí công việc. Trong năm, công ty đã điều chỉnh các mức lương chức danh phù hợp với vị trí công việc.

* *Phụ cấp*: Bao gồm các khoản phụ cấp sau: ăn trưa, điện thoại di động (Ban điều hành, trưởng phó phòng ban và nhân viên thị trường),...

+ *Chế độ thưởng*: Nhằm khuyến khích động viên CBCNV trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp vào kết quả chung, Công ty có chính sách thưởng thiết thực, phúc lợi đảm bảo đầy đủ. Ngoài tiền lương, CBCNV trong công ty được thưởng thêm và được trích từ khen thưởng từ quỹ lương của Công ty theo năng suất hoàn thành kế hoạch đã đề ra.

- *Chính sách phúc lợi*:

+ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp: công ty tham gia đầy đủ các chế độ bảo hiểm cho tất cả CBCNV theo quy định của Nhà nước. Trong năm, Công ty đã thực hiện đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động đúng quy định với số tiền 5.542.084.148 đồng.

+ Khám sức khỏe hàng năm: Tổ chức khám sức khỏe định kỳ năm 2019 cho người lao động theo từng địa bàn của Công ty.

+ Du lịch, nghỉ mát hàng năm

: Tổ chức theo từng bộ phận lao động tham quan, du lịch trong nước với nguồn kinh phí công đoàn và phúc lợi của Công ty.

+ Nhân viên Công ty khi gặp khó khăn đột xuất, ma chay, hiếu hỉ hay đau ốm, thành hôn,... đều được Công đoàn quan tâm thăm hỏi và giúp đỡ.

+ Nghỉ phép, nghỉ Lễ, Tết hàng năm: theo chế độ quy định.

- *Tổ chức công đoàn*: Công đoàn công ty hoạt động tích cực nhằm tạo điều kiện cho CBCNV Công ty được nâng cao đời sống tinh thần và sức khỏe. Công ty thường xuyên thực hiện khen thưởng cho con CBCNV trong Công ty có thành tích học tập tốt, chi thưởng cho CBCNV vào các dịp Lễ, Tết,...

- *Công ty cam kết các chính sách đối với người lao động* trong Công ty là nhất quán và luôn hướng tới người lao động để tạo đội ngũ nguồn nhân lực được phát triển toàn diện, chuyên nghiệp và gắn bó lâu dài vì mục tiêu chung của Công ty.

- *Lập quỹ hỗ trợ người lao động*: tạo điều kiện cho người lao động trong những lúc khó khăn đột xuất có điều kiện được vay ưu đãi không phải trả lãi suất.

- *Chính sách tuyển dụng*:

+ Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút nhân sự có năng lực vào làm việc tại Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng kinh doanh. Công ty có hệ thống quy chế về tuyển dụng đào tạo. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn riêng. Song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng yêu cầu cơ bản như: trình độ chuyên môn, tốt nghiệp đúng chuyên ngành, khả năng thích ứng công việc, năng động, nhiệt tình, ham học hỏi, có ý thức sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích, quản lý và trình độ ngoại ngữ, tin học,.... Ngoài lực lượng sẵn có tại đơn vị, Công ty cũng chú trọng bổ sung nguồn nhân lực có chất lượng cao để ngày càng phát triển bộ máy nhân sự đáp ứng kịp thời đòi hỏi của quá trình cạnh tranh và phát triển.

- *Chính sách đào tạo*: Công ty coi con người là tài sản quý giá nhất của Doanh nghiệp và để phát huy hiệu quả nguồn vốn quý này, Công ty kết hợp chặt chẽ vấn đề đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ và tạo cơ hội phát triển cho nhân viên, luôn tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khóa huấn luyện nội bộ, nghiên cứu thị trường trong và ngoài Vicem nhằm đáp ứng nhu cầu công việc hiện tại cũng như trong tương lai của Công ty. Công ty còn thực hiện việc lập quỹ đào tạo để tạo điều kiện cho người lao động học thêm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

3. Tình hình tài chính:

3.1. Tình hình tài chính:

(ĐVT : đồng)

| Chỉ tiêu | Năm 2019 | Năm 2018 | % 2019/2018 |
|---|-----------------|-----------------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản | 138.705.399.688 | 161.123.662.314 | 86,08 |
| Doanh thu thuần | 248.965.515.192 | 329.158.471.822 | 75,64 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | (8.499.830.131) | (3.506.249.245) | |

| | | | |
|----------------------|-----------------|---------------|-------|
| Lợi nhuận khác | 1.609.711.913 | 3.921.813.100 | 72,09 |
| Lợi nhuận trước thuế | (6.890.118.218) | 415.563.855 | 38,43 |
| Tỷ lệ LNST | - 4,96% | 0,18% | |

3.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| TT | Các Chỉ tiêu | Năm 2019 | Năm 2018 | Ghi chú |
|----------|--|----------|----------|---------|
| 1 | Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| | - Hệ số thanh toán ngắn hạn | 4,32 | 3,22 | |
| | <i>TSLĐ/Nợ ngắn hạn</i> | | | |
| | - Hệ số thanh toán nhanh | 3,09 | 2,42 | |
| | <i>(TSLĐ- Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn</i> | | | |
| 2 | Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| | - Hệ số nợ/ Tổng tài sản | 0,19 | 0,27 | |
| | - Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu | 0,11 | 0,13 | |
| 3 | Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| | - Vòng quay hàng tồn kho | 6,55 | 11,55 | |
| | <i>Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân</i> | | | |
| | - Doanh thu thuần/ Tổng tài sản | 1,71 | 2,04 | |
| 4 | Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| | - Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần | (0,0277) | 0,0009 | |
| | - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu | (0,0624) | 0,0025 | |
| | - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản | (0,0473) | 0,0018 | |
| | - Hệ số Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần | (0,034) | (0,011) | |

4. Vốn cổ phần và cơ cấu cổ đông:

4.1. Cổ phần đang lưu hành:

- Cổ phần phổ thông đang lưu hành:

| Năm | ĐVT | Đã lưu ký | Chưa lưu ký | Cộng |
|----------|-----|-----------|-------------|-----------|
| Năm 2018 | Cp | 9.851.900 | 48.100 | 9.900.000 |
| Năm 2019 | Cp | 9.851.900 | 48.100 | 9.900.000 |

4.2. Cơ cấu cổ đông năm 2019: Theo báo cáo tổng hợp của trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp số lượng và cơ cấu vốn cổ đông đến ngày 14/03/2019 như sau (mã chứng khoán của Công ty : DXV, mệnh giá giao dịch 10.000 VND/01 cổ phiếu):

| | | Cá nhân | Tổ chức | Tổng cộng |
|------------|---------|-----------|-----------|-----------|
| Trong nước | Cổ đông | 469 | 4 | 473 |
| | Cổ phần | 3.327.180 | 6.536.010 | 9.863.190 |
| Nước ngoài | Cổ đông | 9 | 2 | 11 |
| | Cổ phần | 21.110 | 15.700 | 36.810 |

| | | | | |
|-----------|---------|-----------|-----------|-----------|
| Tổng cộng | Cổ đông | 478 | 6 | 484 |
| | Cổ phần | 3.348.290 | 6.551.710 | 9.900.000 |

+ Danh sách cổ đông ngoài nắm giữ trên 5%: không có

+ Danh sách cổ đông có tỷ lệ sở hữu cổ phần lớn nhất đến ngày 14/03/2019.

| Stt | Tên cổ đông | Địa chỉ | Số cổ phần | Tỷ lệ % |
|-----|-------------------------------|---------------------|------------|---------|
| 1 | Tổng Công ty xi măng Việt Nam | 228 Lê Duẩn -Hà Nội | 6.514.700 | 65,81 |

+ Danh sách cổ đông nắm giữ từ 1 - 5%: Theo báo cáo tổng hợp của trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp số lượng và cơ cấu vốn cổ đông đến ngày 14/03/2019 như sau (mã chứng khoán của Công ty : DXV, mệnh giá giao dịch 10 000 VND/01 cổ phiếu):

| Tên cổ đông | Ngày cấp | Quốc tịch | CP nắm giữ | Tỷ lệ sở hữu |
|--------------------|------------|-----------|------------|--------------|
| 1.Tổng Hoàng Dũng | 18/06/2012 | Việt Nam | 450.000 | 4,55% |
| 2.Quách Đình Dương | 03/02/2010 | Việt Nam | 338.610 | 3,42% |
| 3.Quách Đình Hùng | 24/04/2016 | Việt Nam | 228.580 | 2,31% |
| 4.Ngô Đại Dương | 27/03/2007 | Việt Nam | 216.920 | 2,19% |
| 5.Đỗ Thị Thu Hà | 09/01/2013 | Việt Nam | 204.760 | 2,07% |
| 6.Nguyễn Thị Kiều | 27/08/2012 | Việt Nam | 202.920 | 2,05% |
| 7.Phạm Tuấn Hà | 04/05/2001 | Việt Nam | 190.910 | 1,93% |
| 8.Võ Xuân Báo | 02/03/2007 | Việt Nam | 100.020 | 1,01% |

* Tỷ lệ phần trăm là tỷ lệ số cổ phần sở hữu trên tổng số cổ phần của Công ty.

4.3. Thay đổi sở hữu của CD nội bộ và CD lớn trong năm:

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên HĐQT và BKS trong năm thay đổi, theo sở hữu và ủy quyền của Tổng Công ty Xi măng Việt Nam.

| Stt | Họ và tên | Chức vụ | Năm 2019 | Tỷ lệ (%) |
|-----|------------------|---------------|------------------|---------------|
| 1 | Doãn Nam Khánh | Chủ tịch HĐQT | 2.605.700 | 40,00 |
| 2 | Trần Văn Khôi | TV HĐQT | 1.303.000 | 20,00 |
| 3 | Đình Ngọc Châu | TV HĐQT | 1.303.000 | 20,00 |
| 4 | Nguyễn Hữu Vỹ | TV HĐQT | 1.303.000 | 20,00 |
| | Tổng cộng | | 6.514.700 | 100,00 |

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC :

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh :

Trong năm 2019, Công ty triển khai nhiệm vụ SX-KD với những đặc điểm như sau:

* Thuận lợi:

- Trong bối cảnh còn nhiều khó khăn nhưng nền kinh tế Việt Nam đã có dấu hiệu khởi sắc; GDP năm 2019 tăng 6,70% so với năm 2018. Mức tăng trưởng này cao hơn mục tiêu 6,3% đề ra và cao hơn các mức tăng trưởng của các năm từ 2019 - 2020.

- Công ty tiếp tục nhận được sự chỉ đạo và giúp đỡ kịp thời của Tổng Công ty Xi măng Việt Nam và các Công ty TMHH MTV xi măng Vicem Hoàng Thạch, Bim Sơn.

- Thị trường gạch nung trên địa bàn Công ty kinh doanh đã có sự chuyển biến mạnh, nhu cầu thị trường tăng lên.

- Các đơn vị sản xuất và kinh doanh trực thuộc Công ty đã có sự chuẩn bị tốt cho việc triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh như: thiết bị được sẵn sàng, công nghệ sản xuất; nguyên vật liệu chính; lao động; tăng cường mở rộng thị trường.

*** Khó khăn:**

- Thị trường vỏ bao xi măng đã có sự dịch chuyển sang vỏ bao PP dán đáy.
- Thị trường xi măng trên địa bàn cung tiếp tục vượt cầu, các thương hiệu xi măng giá thấp tiếp tục đưa vào thị trường tạo ra sự cạnh tranh ngày càng quyết liệt với xi măng VICEM mà Công ty đang kinh doanh, thị phần bị phân chia lại từ các Nhà sản xuất xi măng.

*** Kết quả đạt được:**

Từ đặc điểm tình hình trên, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2019 đạt được như sau:

| TT | Mục tiêu chủ yếu | ĐVT | Mục tiêu 2019 | Thực hiện 2019 | % Thực hiện |
|----|----------------------|------------|---------------|----------------|-------------|
| 1 | Tổng doanh thu | Ti đồng | 426,444 | 253,785 | 59 |
| 2 | Sản lượng hàng hóa | | | | |
| | - Xi măng | Tấn | 225.000 | 90.142,68 | 40 |
| | -Vỏ bao xi măng | Triệu cái | 22,500 | 17,277 | 77 |
| | -Gạch nung QTC | Triệu viên | 45,500 | 48,522 | 106 |
| 3 | Nộp ngân sách | Ti đồng | 10,000 | 6,554 | 65 |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | " | 3,051 | (6,890) | |

Trong quá trình điều hành, Ban giám đốc Công ty đã triển khai đầy đủ và kịp thời các nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty trong các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và đầu tư, cụ thể như sau:

*** Trong kinh doanh xi măng:**

- Có chính sách giá bán, chiết khấu ...linh hoạt từng địa bàn, phù hợp với quy định của nhà sản xuất và diễn biến trên thị trường.
- Tiếp tục củng cố hệ thống bán hàng theo hướng khuyến khích gia tăng về quy mô, hạn chế cạnh tranh về giá bán nhằm duy trì quyền lợi của hệ thống bán hàng.
- Công tác quản lý tài chính thường xuyên được củng cố, tăng cường kiểm tra, kiểm soát, kiểm kê định kỳ.
- Thực hiện các biện pháp giảm chi phí bán hàng, chi phí qua kho nhằm đảm bảo hiệu quả kinh doanh.
- Thực hiện báo cáo nhanh hiệu quả kinh doanh, phân tích, đánh giá hoạt động của nhà phân phối hàng tháng nhằm có chính sách hỗ trợ kịp thời cho khách hàng.

*** Trong sản xuất VLXD:**

- Tiếp tục mở rộng thị trường vỏ bao với các khách hàng ngoài VICEM, đồng thời có giải pháp nâng cao năng lực sản xuất đáp ứng được yêu cầu khách hàng trong mùa tiêu thụ cao điểm. Trong năm không xảy ra tình trạng phải xử lý chất lượng sản phẩm cho khách hàng, duy trì tốt công tác an toàn lao động, phòng chống cháy nổ. Đồng thời đơn vị đã có giải pháp tiết kiệm hạt nhựa tạo sợi, hạt nhựa tráng màng so với định mức được giao.
- Triển khai các giải pháp của sản phẩm gạch nung tại An Hòa và Lai Nghi như: Kỹ thuật nâng cao hiệu quả, chất lượng.

*** Công tác đầu tư:**

- Triển khai xin cấp mỏ đất Hốc Lầy An Hòa Duy Xuyên, Tỉnh Quảng Nam.

2. Tình hình tài chính:

- Tài sản tài chính: Trong năm 2019, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính

của công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và tài sản tài chính khác.

- Nợ phải trả tài chính: Trong năm 2019, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

3. Mục tiêu sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2020:

Căn cứ vào tình hình thị trường, khả năng sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2020 của Công ty, Ban giám đốc Công ty dự kiến phương án sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2020 như sau:

* **Doanh thu:** Tổng doanh thu: 282,184 tỉ đồng tăng 111% so năm 2019

* Sản lượng tiêu thụ:

- Xi măng : 90.000 tấn tăng 99% so năm 2019.
- Gạch nung (QTC): 45,5 triệu viên đạt 94% so năm 2019.
 - + An Hòa: 30 triệu viên.
 - + Lai nghi: 15,5 triệu viên.
- Vò bao xi măng: 22,5 triệu cái tăng 130% so năm 2019.

* **Đầu tư :** Triển khai xin cấp mở đất Hố Lầy An Hòa Duy Xuyên , Tỉnh Quảng Nam .

* Kết quả sản xuất kinh doanh:

- Lợi nhuận trước thuế : 1.000.000.000 đồng.

* Một số biện pháp chủ yếu thực hiện mục tiêu năm 2020:

a/ Kinh doanh xi măng:

- Chủ động, tích cực khai thác phương tiện vận chuyển để đưa hàng từ các Nhà máy và Trạm nghiền về các địa bàn kinh doanh, đáp ứng kịp thời và hợp lý theo yêu cầu của khách hàng.
- Kiện toàn, củng cố hệ thống bán hàng. Chú trọng phát triển, mở rộng nhà phân phối tiêu thụ xi măng ở địa bàn Đà Nẵng.
- Khai thác lợi thế thương hiệu VICEM trên các địa bàn nhằm tăng sức cạnh tranh với các thương hiệu xi măng khác.
- Tăng cường kiểm tra, quản lý an toàn tiền - hàng, nâng cao vòng quay vốn.

b/ Sản xuất VLXD:

- Mở rộng thị trường vò bao trong và ngoài VICEM, đáp ứng kịp thời yêu cầu khách hàng về chủng loại, mẫu mã...Có kế hoạch chuẩn bị dự trữ hạt nhựa, giấy, sợi, vải mảnh...ở mức hợp lý nhằm đảm bảo công suất tối đa trong mùa tiêu thụ quý II, quý III.
- Củng cố và mở rộng thị trường sản phẩm gạch nung Tuynel tại thị trường Quảng Nam và Đà Nẵng.
- Triển khai các biện pháp tiết kiệm trong sản xuất như : giám định mức tiêu hao vật tư chủ yếu than, điện, giấy, hạt nhựa...;chi phí quản lý, chi phí bán hàng nhằm duy trì được hiệu quả sản xuất.Có biện pháp giảm tỉ lệ phế liệu trong công đoạn tráng màng in ống tại Xí nghiệp sản xuất vò bao Đà Nẵng.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

* Về hiệu quả hoạt động của Công ty và Ban điều hành:

- Hội đồng quản trị công ty được bầu gồm 05 thành viên, trong đó có 04 thành viên làm kiêm nhiệm trong công tác quản lý và điều hành tại công ty và 01 thành viên là quản lý tại Tổng Công ty Xi măng Việt Nam nên việc chỉ đạo điều hành thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty và định hướng chung của Tổng Công ty.
- Thị trường xi măng cung cấp tiếp tục vượt cầu, nên cạnh tranh ngày càng quyết liệt; sự cạnh tranh về giá bán diễn ra gay gắt.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị :

Hội đồng quản trị có 05 thành viên, nhiệm kỳ 05 năm. Có 01 thành viên là Trưởng Phòng An toàn- Tổng Công ty Xi măng Việt Nam và 03 thành viên là Ban lãnh đạo công ty.

Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ 05 năm. Trong 03 thành viên có 03 thành viên là CBCVN công ty.

Trong thời gian qua, các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát đã hoàn thành trách nhiệm và công việc của mình, không có mâu thuẫn về quyền lợi và lợi ích với Công ty.

Thù lao của các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát được thực hiện đúng theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2019 thông qua ngày 05/4/2019.

Trong thời gian qua không có giao dịch cổ phiếu nào của Công ty liên quan đến thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát.

1.1. Vai trò và hoạt động của HĐQT:

Trong năm qua, Hội đồng quản trị Công ty đã tiến hành họp trực tiếp 7 phiên với những vấn đề quan trọng của Công ty đã được bàn thảo và quyết định tại các phiên họp của Hội đồng quản trị Công ty bao gồm:

- Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 và các nghị quyết tại các phiên họp của Hội đồng quản trị, trên cơ sở tình hình thực tế của Công ty đề ra các biện pháp thực hiện nhiệm vụ quý, 6 tháng cuối năm, ...kiểm điểm những mặt làm được, những mặt còn hạn chế trong điều hành.

- Thống nhất hoàn thiện và Ban hành Quy chế công nợ của Công ty.
- Thay đổi nhân sự đại diện ủy quyền quản lý phần vốn của Vicem tại Công ty theo Quyết định của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Xi măng Việt Nam.
- Thống nhất sửa đổi Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty.
- Giao Giám đốc Công ty xây dựng Phương án tái cơ cấu tổ chức.
- Ban hành Quyết định giải thể hoạt động các Chi nhánh của Công ty tại các địa bàn Miền trung .

Việc tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị theo đúng quy định tại điều lệ Công ty, các cuộc họp trực tiếp của Hội đồng quản trị Công ty đều có chương trình, thời gian, địa điểm và các vấn đề sẽ thảo luận và quyết định tại cuộc họp. Cuộc họp không trực tiếp (hình thức lấy ý kiến bằng văn bản) để thông qua các quyết định để được Hội đồng quản trị thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

Những vấn đề được Hội đồng quản trị bàn thảo và quyết định tại cuộc họp đều được ghi lại bằng biên bản; các quyết định của Hội đồng quản trị đều được ban hành bằng Nghị quyết triển khai trong toàn Công ty và lưu trữ theo quy định.

1.2. Việc tổ chức thực hiện theo ủy quyền các quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT:

Ngày 05/4/2019, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ Công ty từ các công việc chuẩn bị Đại hội, triệu tập Đại hội, thực hiện các chương trình đề ra trong Đại hội.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đã hoàn thành với chương trình nghị sự thông qua gồm 09 nội dung mà Hội đồng quản trị đã có Nghị quyết số: 245-2019/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 05/4/2019 thông báo với các cổ đông.

- Hội đồng quản trị Công ty đã thống nhất lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty là Công ty TNHH Kiểm toán An Việt .

1.3. Công tác giám sát đối với Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý:

Hội đồng quản trị Công ty thực hiện việc giám sát đối với Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty thông qua chế độ báo cáo thường kỳ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao tại các cuộc họp hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

Năm 2019, Ban giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý đã thực hiện được đầy đủ các chức năng nhiệm vụ theo quy định tại điều lệ công ty; thường xuyên bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư của công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị để đề ra các biện pháp điều hành để thực hiện mục tiêu đã được Đại hội thông qua, thực hành tiết kiệm trong sản xuất kinh doanh của Công ty.

1.4. Phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2020:

- Trên cơ sở vai trò, vị trí, chức năng của Hội đồng quản trị Công ty được xác định tại điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị Công ty sẽ triển khai chỉ đạo thực hiện các mục tiêu năm 2020 được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

- Đảm bảo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty theo đúng pháp luật, điều lệ, nghị quyết của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

- Tiếp tục duy trì sự đoàn kết, phối hợp giữa các thành viên trong Hội đồng quản trị.

- Thường xuyên duy trì chương trình họp Hội đồng quản trị Công ty theo định kỳ và đột xuất khi có yêu cầu để đề ra các nghị quyết nhằm triển khai thực hiện tốt các mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua. Kiện toàn cơ cấu HĐQT, Ban kiểm soát.

- Thường xuyên giám sát Ban Giám đốc, và các cán bộ quản lý tiếp tục nâng cao năng lực quản lý điều hành đang sản xuất kinh doanh

2. Ban Kiểm soát :**2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát :**

Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ 05 năm. Trong 03 thành viên, có 01 thành viên là Trưởng ban kiểm soát chuyên trách, 02 thành viên là CBCVN Công ty.

2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

- Ban kiểm soát đã duy trì việc hoạt động kiểm tra giám sát tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác kế toán, công tác quản lý nợ bán hàng, thống kê và lập báo cáo tài chính. Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

- Thẩm định báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty.

*** Kết quả giám sát tình hình hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2019 :****1. Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh và đầu tư.**

| TT | MỤC TIÊU CHỦ YẾU | ĐVT | MỤC TIÊU 2019 | THỰC HIỆN 2019 | %THỰC HIỆN |
|----|----------------------------|---------|------------------|-------------------|---------------|
| I | Doanh thu và thu nhập khác | Tỉ đồng | 426,444 | 253,785 | 59 |
| II | Sản lượng tiêu thụ | | | | |
| 1 | Xi măng | Tấn | 225.000 | 90.142,68 | 40 |
| 2 | Vỏ bao | 1.000c | 22.500 | 17.277 | 77 |

| | | | | | |
|---|----------------------|---------|--------|---------|-----|
| 3 | Gạch nung QTC | 1.000v | 45.500 | 48.522 | 106 |
| 4 | Nộp ngân sách | Ti đồng | 10,000 | 6,554 | 65 |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | Ti đồng | 3,051 | (6,890) | |

- Đối với kinh doanh xi măng:

Năm 2019 thị trường xi măng khu vực 'cung' vượt xa so với 'cầu' nên cạnh tranh càng quyết liệt, các thương hiệu xi măng giá thấp đã tăng cường đưa vào thị trường địa bàn gia tăng sự cạnh tranh với xi măng mà Công ty đang kinh doanh.

- Đối với sản xuất và tiêu thụ gạch nung và vữa bao: trong tình hình giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào như: hạt nhựa, xăng, dầu, điện... đều tăng làm ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Công ty; Xi nghiệp sản xuất vữa bao xi măng và Nhà máy gạch An Hòa đã tăng cường công tác quản lý, giám sát khâu nhập nguyên liệu đầu vào, đảm bảo ổn định chất lượng, thực hiện tốt định mức tiêu hao vật tư góp phần hạ giá thành sản phẩm, hoàn thành mục tiêu đề ra.

2. Tình hình tài chính năm 2019 :

* Một số chỉ tiêu tài chính tóm tắt năm 2019 như sau:

| | | <i>DVT: Đồng</i> | |
|----------|-------------------------------------|------------------------|------------------------|
| tt | Nội dung | 31/12/2019 | 31/12/2018 |
| A | Tài sản | 138.705.399.688 | 161.123.662.314 |
| 1 | Tài sản ngắn hạn | 122.058.231.605 | 141.276.391.931 |
| | Tiền và các khoản tương đương tiền | 10.293.974.882 | 10.318.581.466 |
| | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 21.000.000.000 | 21.000.000.000 |
| | Các khoản nợ phải thu | 55.083.105.421 | 74.392.176.852 |
| | Hàng tồn kho | 35.066.138.120 | 35.169.143.888 |
| | Tài sản ngắn hạn khác | 615.068.182 | 396.489.725 |
| 2 | Tài sản dài hạn | 16.647.168.083 | 19.847.270.383 |
| | Tài sản cố định | 15.288.697.996 | 18.373.376.619 |
| | Tài sản dài hạn khác | 621.233.919 | 1.473.893.764 |
| B | Nguồn vốn | 138.705.399.688 | 161.123.662.314 |
| 1 | Nợ phải trả | 28.329.696.206 | 43.857.840.614 |
| | Nợ ngắn hạn | 28.329.696.206 | 43.857.840.614 |
| | Nợ dài hạn | | |
| 2 | Nguồn vốn chủ sở hữu | 110.375.703.482 | 117.265.821.700 |
| | Nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu | 99.000.000.000 | 99.000.000.000 |
| | Vốn khác của chủ sở hữu | 725.357.511 | 725.357.511 |
| | Quỹ đầu tư phát triển | 16.866.716.874 | 16.866.716.874 |
| | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | (6.890.118.218) | 673.747.315 |

- Việc thực hiện báo cáo tài chính theo chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán. Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.

- Số liệu báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính, kế toán của Công ty.

3. Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2019:

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019, Công ty đã chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm 2019 là : 372.000.000đ (Ba trăm bảy mươi hai triệu đồng chẵn).

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Ý kiến kiểm toán độc lập :

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12/03/2020, từ trang 05 đến trang 29 bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng tại ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết

thức cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh:

Như đã nêu tại thuyết minh số 30 trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính ; Các số liệu so sánh trình bày trên báo cáo tài chính là các số liệu đã được Công ty điều chỉnh hồi tố từ báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 theo Thông báo kết luận của Kiểm toán nhà nước số 534/TB-KTNN ngày 16/08/2019. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này .

Nguyễn Thương (đã ký)

Phó Tổng giám đốc

Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán 0308-2018-055-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2020

Trần Minh Nguyệt (đã ký)

Kiểm toán viên

Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán 3412-2020-055-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU SỐ N 01- DN

Đơn vị tính : VND

| | CHỈ TIÊU | Mã số | 31/12/2019 | 01/01/2018 |
|-------------|---|------------|------------------------|------------------------|
| A - | TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | 122.058.231.605 | 141.276.391.931 |
| I. | Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 10.293.974.882 | 10.318.581.466 |
| 1. | Tiền | 111 | 10.293.974.882 | 10.318.581.466 |
| 2. | Các khoản tương đương tiền | 112 | | |
| II | Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 21.000.000.000 | 21.000.000.000 |
| 3. | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 130 | 21.000.000.000 | 21.000.000.000 |
| III. | Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | 55.083.105.421 | 74.392.176.852 |
| 1. | Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 65.803.109.511 | 79.790.687.356 |
| 2. | Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 1.221.564.651 | 892.524.062 |
| 3. | Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 2.082.560.916 | 835.423.579 |
| 4. | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | (13.918.709.657) | (7.126.458.145) |
| 5. | Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | |
| IV. | Hàng tồn kho | 140 | 35.066.138.120 | 35.169.143.888 |
| 1. | Hàng tồn kho | 141 | 35.066.138.120 | 35.169.143.888 |
| 2. | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | - | - |
| V. | Tài sản ngắn hạn khác | 150 | 615.068.182 | 396.489.725 |
| 1. | Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 608.207.847 | 176.842.247 |
| 2. | Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 219.647.478 |
| 3. | Tài sản ngắn hạn khác | 155 | 6.860.335 | |
| B - | TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | 16.647.168.083 | 19.847.270.383 |
| I. | Các khoản phải thu dài hạn | 210 | 105.420.000 | - |
| 6. | Phải thu dài hạn khác | 216 | 105.420.000 | - |
| II. | Tài sản cố định | 220 | 15.288.697.996 | 18.373.376.619 |
| 1. | Tài sản cố định hữu hình | 221 | 15.288.697.996 | 18.373.376.619 |
| | - Nguyên giá | 222 | 100.933.375.354 | 110.823.952.220 |
| | - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | (85.644.677.358) | (92.450.575.601) |
| 2. | Tài sản cố định vô hình | 227 | - | - |
| | - Nguyên giá | 228 | 150.000.000 | 150.000.000 |
| | - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | (150.000.000) | (150.000.000) |

| | | | | |
|------------|---------------------------------|------------|------------------------|------------------------|
| IV. | Tài sản dở dang dài hạn | 240 | 515.813.919 | 423.408.658 |
| 1. | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 515.813.919 | 423.408.658 |
| VI. | Tài sản dài hạn khác | 260 | 737.236.168 | 1.050.485.106 |
| 1. | Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 737.236.168 | 1.050.485.106 |
| | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | 138.705.399.688 | 161.123.662.314 |

| | CHỈ TIÊU | Mã số | 31/12/2019 | 01/01/2018 |
|------------|--|------------|------------------------|------------------------|
| C - | NỢ PHẢI TRẢ | 300 | 28.329.696.206 | 43.857.840.614 |
| I. | Nợ ngắn hạn | 310 | 28.329.696.206 | 43.857.840.614 |
| 1. | Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 21.561.667.472 | 29.784.665.407 |
| 2. | Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 110.755.642 | 3.285.000 |
| 3. | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 517.054.718 | 988.818.095 |
| 4. | Phải trả người lao động | 314 | 3.012.049.678 | 6.048.054.650 |
| 5. | Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 124.885.000 | 380.478.722 |
| 6. | Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | 1.149.621.214 | 229.806.817 |
| 7. | Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 420.857.116 | 4.120.488.238 |
| 8. | Quỹ khen thưởng , phúc lợi | 322 | 1.432.805.366 | 2.302.243.685 |
| II. | Nợ dài hạn | 330 | - | - |
| 1. | Phải trả dài hạn khác | 337 | - | - |
| D - | VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | 110.375.703.482 | 117.265.821.700 |
| I. | Vốn chủ sở hữu | 410 | 110.375.703.482 | 117.265.821.700 |
| 1. | Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | 99.000.000.000 | 99.000.000.000 |
| | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | 99.000.000.000 | 99.000.000.000 |
| 2. | Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | 725.357.511 | 725.357.511 |
| 3. | Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 16.866.716.874 | 16.866.716.874 |
| 4. | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | (6.216.370.903) | 673.747.315 |
| | - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | 673.747.315 | 673.747.315 |
| | - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | (6.890.118.218) | |
| | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | 138.705.399.688 | 161.123.662.314 |

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

MẪU SỐ N 02- DN

Đơn vị tính : VND

| | CHỈ TIÊU | Mã số | Năm 2019 | Năm 2018 |
|-----|---|-------|-----------------|-----------------|
| 1. | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 254.128.304.731 | 337.931.730.636 |
| 2. | Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 5.162.789.539 | 8.773.258.814 |
| 3. | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | 248.965.515.192 | 329.158.471.822 |
| 4. | Giá vốn hàng bán | 11 | 232.891.850.750 | 312.573.102.220 |
| 5. | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | 16.073.664.442 | 16.585.369.602 |
| 6. | Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 1.329.124.141 | 1.278.840.199 |
| 7. | Chi phí tài chính | 22 | | 78.707.000 |
| | - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | |
| 8. | Chi phí bán hàng | 25 | 9.997.938.292 | 10.147.467.085 |
| 9. | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 15.904.680.422 | 11.144.284.361 |
| 10. | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | (8.499.830.131) | (3.506.249.245) |
| 11. | Thu nhập khác | 31 | 3.490.746.494 | 4.493.242.673 |
| 12. | Chi phí khác | 32 | 1.881.034.581 | 571.429.573 |
| 13. | Lợi nhuận khác | 40 | 1.609.711.913 | 3.921.813.100 |
| 14. | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | 159.713.193 | 415.563.855 |
| 15. | Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | - | 122.641.601 |
| 16. | Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | - | - |
| 17. | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | (6.890.118.218) | 292.922.254 |
| 18. | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | (696) | 30 |


Công ty Cổ phần VICEM Vật Liệu Xây dựng Đà Nẵng kính báo cáo ./.

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 03 năm 2020

Nơi nhận:

- Ủy Ban chứng khoán NN (Báo cáo);

- Sở GD&ĐT TP HCM;

- Lưu. 

GIAM ĐỐC

Trần Văn Khôi